UBND TỈNH AN GIANG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8043/BC-STP	*An Giang, ngày 22 tháng 10 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 20551/VP-HCC ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, ngày 12 tháng 7 năm 2013, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang thông qua Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND về việc chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang; ngày 06 tháng 12 năm 2013, Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang thông qua Nghị quyết số 45/2013/NQ-HĐND về ban hành một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định:

"Điều 4. Mức chi

2. Các mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức chi cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này."

Tại điểm h khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước quy định:

*"**Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp***

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

h) Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định

khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương;"

Tại khoản 1 Điều 54 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

*"**Điều 54. Quy định chuyển tiếp***

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này..."

Tại khoản 1 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

*"**Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật***

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này hoặc luật, nghị quyết của Quốc hội có quy định khác."

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

"3. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

"Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;"

Căn cứ các quy định trên, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang *(thay thế Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND và Nghị quyết số 45/2013/NQ-HĐND)* ***là cần thiết và đúng thẩm quyền.***

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định:

"1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh.

- Nghị quyết này áp dụng đối với các hoạt động kiểm soát việc quy định, thực hiện, rà soát, đánh giá, cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

- Nghị quyết này không bao gồm hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; hoạt động kiểm soát thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và thủ tục hành chính có nội dung bí mật nhà nước.

b) Đối tượng áp dụng.

- Cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính.

- Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

- Uỷ ban nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân các cấp khi thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính."

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Tại khoản 2 Điều 65 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

*"**Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản***

*2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu **cụ thể điều, khoản đó** tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản."*

Tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định: *"2. Các mức chi quy định tại Thông tư này **là mức chi tối đa**. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **quy định mức chi** cụ thể cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này."*

Căn cứ các quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cách trình bày quy định về phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 65 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP; đồng thời, xác định nội dung phạm vi điều chỉnh bảo đảm phù hợp với nội dung được giao tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Tại khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính quy định:

*"**Điều 5. Cơ quan, đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính***

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (sau đây gọi là cấp tỉnh) có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi là cấp xã) có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại địa bàn xã. ...”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xác định cụ thể đối tượng áp dụng của Nghị quyết phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được giao thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định hiện hành nhằm tránh trường hợp quy định trùng đối tượng tại gạch đầu dòng thứ nhất và thứ ba tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

Đối với Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, xác định trên thực tế tại địa phương có tổ chức Hội đồng này hay không; trường hợp đưa Hội đồng vào đối tượng áp dụng của Nghị quyết, đề nghị thuyết minh cụ thể cơ sở pháp lý, tình hình tổ chức và sự cần thiết của việc quy định đối tượng này tại Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết.

3. Bố cục và kỹ thuật trình bày

a) Tại điểm b khoản 2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“b) Thể thức văn bản trình bày như sau:

- Số thứ tự các khoản trong mỗi điều dùng số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng. Trường hợp khoản có tên, số thứ tự và tên của khoản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng, trên một dòng riêng.

- Các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt, sau chữ cái có dấu đóng ngoặc đơn, được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng. ”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày nội dung; điểm, khoản tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết phù hợp, cụ thể:

a) Không in đậm tên khoản 1.

b) Không sử dụng dấu gạch đầu dòng các nội dung tại điểm a, b khoản 1 và bỏ dấu chấm sau tên các điểm.

c) Đề xuất bố cục phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng thành một Điều riêng.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết theo ý kiến tại Mục II Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu gạch ngang dưới tên Nghị quyết.

2. Căn cứ ban hành

a) Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh căn cứ ban hành thứ 5 phù hợp.

b) Tại Điều 62 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định:

*"**Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật***

... Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản."

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của căn cứ ban hành thứ 5 (đã được thay thế) và thứ 6. Trường hợp các căn cứ này phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày như sau:

"Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP;"

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày một số nội dung trong phần căn cứ ban hành như sau:

"…

Xét Tờ trình số ……/TTr-UBND ngày … tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban … Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang."

3. Điều 1

a) Tại điểm b khoản 2 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

"b) Thể thức văn bản trình bày như sau:

…

- Số thứ tự các khoản trong mỗi điều dùng số Ả Rập, sau số thứ tự có dấu chấm (.), cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng. Trường hợp khoản có tên, số thứ tự và tên của khoản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 13 - 14, kiểu chữ đứng, trên một dòng riêng..."

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo không in đậm và bỏ dấu chấm cuối tên các khoản.

b) Điểm a khoản 2

Tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định: *"a) Mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, **viên chức** làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang là 440.000 đồng/người/tháng."*

Tại điểm b khoản 14 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định:

14	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát TTHC tại các Bộ, ngành, địa phương	
b	**Cán bộ, công chức** là đầu mối kiểm soát TTHC tại các sở, huyện, xã	15.000 -20.000 đồng/người/ngày Mức chi cụ thể do UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh quyết định

Căn cứ quy định trên, nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm b khoản 14 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ *"làm nhiệm vụ"* và rà soát đối tượng *"viên chức"* tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết. Trường hợp cơ quan soạn thảo nhận thấy cần thiết quy định hỗ trợ đối với đối tượng *"viên chức"*, đề nghị bổ sung cơ sở pháp lý, làm rõ sự cần thiết, phạm vi, đối tượng và nguồn kinh phí thực hiện; đồng thời, thuyết minh cụ thể tại Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết.

c) Điểm b khoản 2 quy định: *"b) Các nội dung chi và mức chi còn lại đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính"*

Tuy nhiên, tại khoản 1, 2 Điều 4 của Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định:

"Điều 4. Mức chi

*2. Các mức chi quy định tại Thông tư này là **mức chi tối đa**. Căn cứ vào tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách; Bộ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **quy định mức chi cụ thể** cho phù hợp, đảm bảo không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này."*

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định cụ thể, đầy đủ các nội dung chi và mức chi thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế, tính chất của từng nhiệm vụ chi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Theo đó, việc quy định viện dẫn chung tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết chưa bảo đảm tính cụ thể, đầy đủ và thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành về nội dung chi, mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

Thứ nhất: Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định nhiều nội dung chi và mức chi áp dụng cho các Bộ, ngành và địa phương. Do đó, nếu chỉ quy định viện dẫn chung (Thông tư số 167/2012/TT-BTC) mà không xác định cụ thể các nội dung chi, mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh là chưa phù hợp.

Thứ hai: tại điểm b khoản 5 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định:

TT	Nội dung chi	Mức chi
5	Chi thuê chuyên gia tư vấn chuyên ngành, lĩnh vực	
b	Thuê chuyên gia lấy ý kiến theo văn bản	300.000-600.000 đồng/văn bản

Như vậy, điểm b khoản 5 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định khung mức chi, chưa xác định một mức chi cụ thể áp dụng thống nhất cho địa phương. Theo đó, căn cứ tình hình thực tế, tính chất nhiệm vụ chi và khả năng ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức chi cụ thể thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 167/2012/TT-BTC. Do đó, việc viện dẫn chung đến Thông tư số 167/2012/TT-BTC tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết chưa đảm bảo rõ mức chi cụ thể được áp dụng đối với nội dung này trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba: một số văn bản được viện dẫn trong các quy định có liên quan của Thông tư số 167/2012/TT-BTC đã hết hiệu lực và được thay thế bởi các văn bản khác; đồng thời, một số nội dung chi có liên quan đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể theo thẩm quyền. Do đó, việc quy định viện dẫn chung tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và các quy định cụ thể của Hội đồng nhân dân tỉnh nên cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp. Cụ thể:

- Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi cho việc tạo

lập, chuyển đổi thông tin điện tử, số hoá thông tin trên môi trường mạng phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

- Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ***đã hết hiệu lực***. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang áp dụng Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; định mức phân bổ, nội dung chi, mức khoán chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang và Quyết định số 3786/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhiệm vụ, hoạt động và mức khoán chi cho công tác xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

- Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia. Trên cơ sở Thông tư số 109/2016/TT-BTC, ngày 24 tháng 7 năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang *(Nghị quyết được Hội đồng nhân dân quyết định áp dụng trên địa bàn toàn tỉnh và Sở Tài chính đang tham mưu xây dựng Nghị quyết thay thế)*.

- Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC, ngày 07 tháng 12 năm 2023, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân ***đã hết hiệu lực.***

- Thông tư Liên tịch số 73/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 14/5/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ***đã hết hiệu lực.*** Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang áp dụng Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước. Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC, ngày 22 tháng 9 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua **Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND** quy định mức chi cụ thể tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị quốc tế tại Việt Nam, mức chi cụ thể tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh An Giang.

- Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Trên cơ sở quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC, ngày 26 tháng 9 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách Nhà nước bảo đảm kinh phí ***đã hết hiệu lực và được thay thế bởi*** Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Từ các nội dung nêu trên, có thể thấy, việc quy định *"Các nội dung chi và mức chi còn lại bảo đảm cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang chưa được quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 167/2012/TT-BTC..."* tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết chưa bảo đảm xác định cụ thể, đầy đủ các nội dung chi và mức chi áp dụng trên địa bàn tỉnh. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh quy định phù hợp, đầy đủ theo nội dung được giao.

d) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát một số nội dung tại khoản 3 như sau:

Thứ nhất: rà soát sự cần thiết quy định cụm từ *"Kinh phí này được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính."*.

Thứ hai: tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 167/2012/TT-BTC quy định:

"2. Phạm vi:

b) Thông tư này không bao gồm:

- Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong nội bộ của từng cơ quan hành chính nhà nước, giữa cơ quan hành chính nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức;..."

Như vậy, nhằm bảo đảm phù hợp với phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 167/2012/TT-BTC, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bỏ nội dung "*Việc hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính thuộc các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương."* tại khoản 3 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

Trường hợp cơ quan soạn thảo nhận thấy cần thiết quy định riêng đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh, đề nghị làm rõ cơ sở pháp lý, thẩm quyền quyết định chế độ hỗ trợ, trách nhiệm bảo đảm kinh phí và mối quan hệ giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương trong thực hiện chính sách; bảo đảm quy định rõ ràng, không làm phát sinh cách hiểu khác nhau trong quá trình tổ chức thực hiện.

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại khoản 38 Điều 1 của Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

"38. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 68 như sau:

"1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

... b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. ....

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ "được sửa đổi, bổ sung bởi" và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản."."

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

"2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 45/2013/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số mức chi đảm bảo cho công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

b) Nghị quyết số 04/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức làm nhiệm vụ là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang."

5. Đề nghị cơ quan soạn thảo in nghiêng nội dung *"Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa XI, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./."*.

6. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh *"Công báo tỉnh An Giang"* thành *"Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh"* tại Nơi nhận.

7. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ tại thẩm quyền ký ban hành theo quy định tại khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

"7. Ký văn bản quy phạm pháp luật

b) Chức vụ của người có thẩm quyền ký văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm."

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III của Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

"b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó."

Đề nghị cơ quan soạn thảo lưu ý một số nội dung sau:

a) Bổ sung từ *"Bộ trưởng"* trước *"Bộ Tài chính"*.

b) Trình bày cụ thể nội dung quy định của các văn bản được viện dẫn tại khoản 1 Mục I.

c) Bỏ dấu phẩy giữa các Điều, khoản, điểm. Ví dụ: *"khoản 1, Điều 54, Luật Tổ chức…"* thành *"khoản 1 Điều 54 của Luật Tổ chức…"*.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh các từ, cụm từ sau: *"không ùn tắt"* thành *"không ùn tắc"; "kiểm soát thủ trục hành chính"* thành *"kiểm soát thủ tục hành chính"*; *"Bộ Tư Pháp"* thành *"Bộ Tư pháp"*, *"thông báo Ý kiến"* thành *"ý kiến";* thống nhất cách trình bày *"ngày/tháng/năm"* thành *"ngày ... tháng ... năm ..."*.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh bố cục tại khoản 1 Mục IV phù hợp (điều chỉnh *"2. Phạm vi điều chỉnh"* thành *"Phạm vi điều chỉnh"* hoặc bố cục *"Đối tượng áp dụng"* và *"Phạm vi điều chỉnh"* thành các điểm a, b trong khoản 1 Mục IV).

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ *"Dự thảo Tờ trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh;"* tại phần hồ sơ gửi kèm.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Đăng ký xây dựng Nghị quyết đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tại Thông báo số 140/TB-TT ngày 22 tháng 9 năm 2026 ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Công văn số 3478/UBND-HCC ngày 28/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết ban hành một số mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 19734/VP-HCC ngày 25 tháng 9 năm 2026 về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mức chi đảm bảo cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Trên cơ sở tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Sở Tư pháp đầy đủ hồ sơ theo quy định và đề nghị thẩm định tại Công văn số 20551/VP-HCC.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, btpthao.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH AN GIANG

Trịnh Tuấn Ngọc